

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 381/2023/DS-PT

Ngày 07 - 8 - 2023

V/v kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Minh

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Cường và bà Lê Thị Thúy Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Bà Vũ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023, về việc “Kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8454/2023/QĐPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông HVS, sinh năm 1950; địa chỉ: Số nhà 98, đường NVC, tổ 07, phường TP, thành phố HG, tỉnh Hà Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện BQ; địa chỉ: thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo pháp luật: Ông PVV - Chủ tịch UBND huyện BQ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đàm TH - Phó Chủ tịch UBND huyện BQ. (có mặt)

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Hội đồng đền bù, giải phóng mặt bằng (viết tắt là HĐDB, GPMB) huyện BQ, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NLH - Phó Chủ tịch HĐDB, GPMB huyện BQ. (có mặt)

3.2. Anh HVT, sinh năm 1976 và chị VTKH, sinh năm 1978; cùng địa chỉ:

Số nhà 06, đường ND, Tổ 4, thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang. Chị H ủy quyền cho Anh T. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.3. Bà HTS1, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà 25, đường CVA, Tổ 12, thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là ông HVS trình bày:*

Tại quyết định số 234/QĐ-UB ngày 22/01/1993 của UBND huyện BQ, ông được cấp một mảnh đất có diện tích  $10m \times 30m = 300m^2$  để làm nhà ở tại tổ khu phố 3 (hiện nay là tổ 4), thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang. Ngay sau khi được UBND huyện BQ cấp đất, ông đã dựng ngôi nhà gỗ 03 gian lợp ngói để ở. Năm 2000, UBND huyện BQ quy hoạch đất để làm Sân vận động nên đã thu hồi đất và nhà dân đang ở, nhưng do diện tích đất thu hồi không đủ nên UBND huyện BQ điều chỉnh lại quy hoạch thành khu dân cư, sau đó cấm đền bù tái định cư tại chỗ và bán cho dân.

HĐDB, GPMB huyện BQ, tỉnh Hà Giang tiến hành triển khai việc đo đạc, kiểm kê đất và thống kê tài sản trên đất để thu hồi mà gia đình ông không biết được tiến hành vào thời gian nào. Kết quả kiểm đếm, diện tích thực tế gia đình ông sử dụng là  $191m^2$ , thiếu  $109m^2$  so với quyết định cấp đất.

Năm 2004, UBND huyện BQ, tỉnh Hà Giang có quyết định thu hồi đất, tài sản trên đất và đền bù cho gia đình ông để thực hiện dự án chỉnh trang đô thị. Tổng cộng số tiền gia đình ông được đền bù là 81.917.200đồng (trong đó giá trị đất 68.760.000đồng, tài sản trên đất 13.157.200đồng).

Năm 2007, khi ông làm việc với HĐDB, GPMB huyện BQ thì được biết, nếu gia đình ông nộp thêm số tiền là 7.682.800đồng thì được cấp 02 ô đất và ông đã nộp số tiền này cho HĐDB, GPMB của huyện BQ. Tổng cộng ông đã nộp 89.600.000đồng để được cấp 02 ô đất, trong đó 01 ô đất có giá trị là 39.600.000đồng (ô số 86) hiện tại con trai ông là anh HVT đã làm nhà ở và 01 ô đất còn lại có giá trị là 50.000.000đồng. Ông cho rằng tính đến nay UBND huyện BQ vẫn chưa cấp cho gia đình ông 01 ô đất có giá trị tại thời điểm năm 2007 là 50.000.000đồng, có diện tích là  $110m^2$  (chiều rộng 05m, chiều dài 22m), địa điểm thửa đất tại khu tái định cư ở Tổ 4, thị trấn VQ, huyện BQ. Giá trị quyền sử dụng đất nêu trên là do HĐDB, GPMB của huyện BQ ấn định tại thời điểm tái định cư năm 2007.

Do đó, ông khởi kiện với yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện BQ có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông số tiền là giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 2022 đối với ô đất ông đáng lẽ được cấp từ năm 2007 (có giá trị tại thời điểm năm 2007 là 50.000.000đồng), cụ thể: chiều rộng 05m, chiều dài 22m, diện tích là  $110m^2$  có địa chỉ tại khu tái định cư Tổ 3, thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang. Trong trường hợp UBND huyện BQ không trả lại cho ông số tiền là giá trị quyền

sử dụng tại thời điểm năm 2022, ông yêu cầu UBND huyện BQ cấp cho ông 01 ô đất có chiều rộng 05m, chiều dài 22m, diện tích 110m<sup>2</sup> có địa chỉ tại khu tái định cư Tổ 3, thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn UBND huyện BQ trình bày:*

Theo Phương án thu hồi, đền bù, tái định cư số 01/PA-UBND ngày 15/10/2007 của UBND huyện BQ thì hộ gia đình ông HVS đã được bồi thường diện tích đất bị thu hồi và tài sản trên đất là 81.917.200đồng. Trong đó diện tích đất thu hồi là 191m<sup>2</sup> x 360.000đồng = 68.760.000đồng; cây cối, hoa màu và tài sản là 13.157.200đồng, thể hiện bằng phiếu chi số 398 ngày 19/11/2007 do HĐDB, GPMB huyện BQ chi trả, người nhận tiền là bà HTS1, nhưng chữ ký người nhận tiền là của ông HVS.

Cùng ngày, ông S đã nộp số tiền là 89.600.000đồng thể hiện tại phiếu thu số 137 ngày 19/11/2007 (thể hiện người nộp tiền là bà HTS1, nhưng người ký nộp tiền là ông HVS), nội dung: tiền TĐC = 50.000.000đồng; ô theo QH ô 86 = 39.600.000đồng, CT: quy hoạch dự án số 3.

Diễn giải nội dung tại phiếu thu số 137 nói trên là: *thu tiền tái định cư là 50.000.000đồng, thu tiền theo quy hoạch ô 86 là 39.600.000đồng, công trình quy hoạch ổn định dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu vực tổ dân phố 3, thị trấn VQ, huyện BQ.*

Sau khi ông S nộp đủ nghĩa vụ tài chính, UBND huyện BQ, tỉnh Hà Giang đã bồi thường bằng việc cấp đất tái định cư cho hộ gia đình ông S như sau: cấp đất tái định cư tại chỗ 01 ô đất số 86 có diện tích 110 m<sup>2</sup> x 360.000đồng = 39.600.000đồng (theo Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 của UBND huyện BQ, GCNQSDĐ số AK 419244 ngày 23/7/2008 mang tên HTS1, địa chỉ tại tổ 1, tổ dân phố QV, thị trấn VQ, huyện BQ). Ngoài ra, năm 2003 đã cấp 01 ô đất tái định cư cho bà HTS1 (là cháu gái của ông S) diện tích là 125m<sup>2</sup> tại địa chỉ thôn TT, thị trấn VQ, huyện BQ (khu NC gần Trường Tiểu học NC hiện nay), GCNQSDĐ số W 796295 ngày 25/7/2003 theo Quyết định số 1651/QĐ-UB ngày 22/7/2003 của UBND huyện BQ và gia đình phải nộp tiền tái định cư là 50.000.000đồng. Tổng số tiền mà ông S phải nộp là 89.600.000đồng thể hiện tại phiếu thu số 137 ngày 19/11/2007 như đã nêu ở trên.

Đối với diện tích đất 110m<sup>2</sup> tại GCNQSDĐ số AK 419244 ngày 23/7/2008 mang tên HTS1, đến năm 2015 bà S đã chuyển nhượng lại diện tích đất này cho anh HVT là con trai của ông S.

Như vậy, ông S đã được cấp đủ 02 ô đất bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho hộ gia đình ông S. Do đó, yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của ông S là không có căn cứ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh HVT, chị VTKH trong quá trình giải quyết vụ án, trình bày:* Đồng quan điểm và nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, không đồng ý với ý kiến trình bày của UBND huyện BQ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà HTS1 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông S, không nhất trí với ý kiến trình bày của UBND huyện BQ, bởi vì từ trước đến nay bà không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào thu hồi đất. Bà chỉ ở nhờ trên đất của ông S 01 năm (khoảng năm 1994-1995), sau đó bà chuyển đi nơi khác ở; ông S không ủy quyền cho bà quản lý, sử dụng đất của gia đình ông S nên việc bà được cấp diện tích đất là 125m<sup>2</sup> tại địa chỉ thôn TT, thị trấn VQ, huyện BQ có liên quan đến dự án xây dựng sân vận động huyện BQ hay không thì bà không biết. Tại phiếu thu số 137 ngày 19/11/2007 trong phần ghi người nộp tiền có ghi "HTS1" và phía UBND huyện BQ cho rằng ông S đã nộp thay cho bà số tiền 50.000.000đồng, bà không biết gì về nội dung này. Tại thời điểm năm 2004, khi thực hiện dự án chỉnh trang đô thị, bà không còn ở trên đất của ông S nên bà không liên quan gì đến dự án này.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan HĐDB, GPMB huyện BQ trình bày:* HĐDB, GPMB huyện BQ không nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, vì: Năm 2003 đã cấp 01 ô đất tái định cư cho bà HTS1 (là cháu gái của ông S) diện tích là 125m<sup>2</sup> tại địa chỉ thôn TT, thị trấn VQ, huyện BQ (khu gần Trường Tiểu học NC hiện nay), GCNQSDĐ số W796295 ngày 25/7/2003 theo Quyết định số 1651/QĐ-UB ngày 22/7/2003 của UBND huyện BQ, nguồn gốc cấp đất là cấp đất tái định cư để thực hiện dự án sân vận động huyện BQ, tỉnh Hà Giang.

HĐDB, GPMB huyện BQ khẳng định việc cấp đất cho bà HTS1 là có liên quan đến việc thu hồi đất của ông HVS. Lý do vì diện tích đất mà ông S được cấp theo Quyết định giao đất số 234/QĐ-UB ngày 22/01/1993 của UBND huyện BQ nằm trong diện thu hồi để thực hiện dự án Sân vận động huyện BQ; do diện tích không đủ nên đã chuyển sang thực hiện dự án chỉnh trang đô thị nên 02 dự án có liên quan đến nhau. Do đó, UBND huyện BQ mới cấp đất tái định cư trước cho bà HTS1 để thực hiện dự án như đã nêu trên.

Đồng thời, bà HTS1 phải nộp tiền tái định cư là 50.000.000đồng theo Quyết định số 2858/2007/QĐ-UBND ngày 14/11/2007 về việc thu tiền tái định cư. Đây chính là số tiền 50.000.000đồng nằm trong tổng số tiền mà ông HVS đã nộp là 89.600.000đồng, được thể hiện tại phiếu thu số 137 ngày 19/11/2007.

*Người làm chứng ông NXH trình bày:* Ông có biết vụ việc liên quan đến ông HVS từ khoảng năm 2018, khi đó ông đang là Phó phòng tài chính huyện được phân công tham gia HĐDB, GPMB huyện. Về tổng thể ông chỉ biết là việc thực hiện dự án chỉnh trang đô thị khu dân cư Tổ 3, thị trấn VQ được thực hiện sau khi dự án xây dựng sân vận động không được thực hiện do thiếu diện tích. Ông không tham gia vào việc đo đạc, kiểm đếm thu hồi đất, tài sản trên đất của ông HVS; chỉ sau khi kiểm đếm, đo đạc tại thực địa đối với diện tích đất của ông S thì ông mới được biết là ông S bị thu hồi 191m<sup>2</sup>; đối với việc cấp đất tái định cư cho ông S thì ông có biết, cụ thể: đối chiếu với phương án đền bù GPMB của huyện đã được phê duyệt, ông S đã nhận 01 khu đất diện tích 125m<sup>2</sup> ở khu

Trường Tiểu học NC để thực hiện dự án xây dựng Sân vận động đứng tên bà HTS1. Do đó, nếu ông S muốn cấp 01 ô đất tại khu vực quy hoạch thì phải trả lại khu đất diện tích 125m<sup>2</sup> ở khu Trường Tiểu học NC. Sau đó ông S đã nộp thêm tiền tổng là 89.600.000đồng để được cấp 02 ô đất. Trong đó: 01 ô đất số 86 có giá trị là 39.600.000đồng (hiện nay anh T con trai ông S đang sử dụng); ô đất còn lại chính là giá trị ô đất có diện tích 125m<sup>2</sup> ở khu Trường Tiểu học NC đứng tên bà HTS1; ông xác nhận 01 ô đất tái định cư có diện tích 110m<sup>2</sup> (chiều rộng 05 m x chiều dài 22m) tại thời điểm năm 2007 có giá trị là 50.000.000đồng; theo ông thì việc UBND huyện BQ thu hồi đất của ông S nhưng lại cấp đất cho bà S là không đúng. Tuy nhiên, tại thời điểm thu hồi và cấp đất tái định cư thì bà S đang ở trên diện tích đất này.

*Người làm chứng ông PHT trình bày:* Ông có biết việc ông S khởi kiện đòi lại tài sản là giá trị quyền sử dụng đất tại khu tái định cư huyện BQ đối với UBND huyện BQ. Tại thời điểm ông S bị thu hồi đất vào năm 2004, ông là Phó Chủ tịch UBND huyện được giao phụ trách khối kinh tế tổng hợp, đồng thời là Chủ tịch HĐDB, GPMB huyện BQ.

Vào khoảng năm 1999, 2000 tỉnh Hà Giang có chủ trương xây dựng Sân vận động huyện BQ, sau đó do không đủ diện tích nên tỉnh cho chủ trương chuyển đổi thành dự án quy hoạch ổn định dân cư và chỉnh trang đô thị khu dân cư tổ 3 (nay là Tổ 4), thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang. Sau khi có chủ trương xây dựng sân vận động huyện BQ vào khoảng năm 1999, 2000, UBND tỉnh có quyết định thu hồi đất để xây dựng Sân vận động, trong đó thu hồi đất của 07 hộ gia đình, nhưng không có tên của ông S trong các quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh. Đến năm 2004, UBND huyện BQ mới chính thức có quyết định thu hồi đất của ông HVS (Quyết định số 2480/QĐ-UB ngày 21/10/2004), diện tích đất bị thu hồi là 191m<sup>2</sup>.

Ông xác nhận ông HVS được UBND huyện BQ cấp đất tại Quyết định số 234/QĐ-UB ngày 22/01/1993, diện tích đất được cấp là 300m<sup>2</sup> (kích thước 10m x 30m); tuy nhiên sau khi kiểm đếm trên thực tế đối với diện tích đất của ông S thì ông mới được biết là ông S bị thu hồi 191m<sup>2</sup>. Việc có sự chênh lệch về diện tích đất giữa quyết định cấp đất và trên thực tế thì ông không rõ.

Đối với việc cấp đất tái định cư cho ông S thì ông có biết, cụ thể: năm 2007 ông S đã nộp thêm 7.682.800đồng để đủ số tiền 89.600.000đồng để được cấp 02 ô đất tái định cư (trong đó: 01 ô đất có giá trị là 39.600.000đồng, 01 ô đất có giá trị là 50.000.000đồng). Sau khi ông S nộp đủ tiền thì UBND huyện BQ đã tiến hành cấp 01 ô đất tái định cư tại ô số 86 cho ông S (ô đất có giá trị 39.600.000đồng, hiện nay con trai ông S là anh HVT đang quản lý, sử dụng); đối với ô đất tái định cư còn lại có giá trị là 50.000.000đồng thì ông S đã được nhận 01 khu đất diện tích 125m<sup>2</sup> ở khu Trường Tiểu học NC để thực hiện dự án xây dựng sân vận động đứng tên bà HTS1 (Quyết định cấp GCNQSDĐ số 1651/QĐ-UB ngày 22/7/2003).

Việc xác định giá trị 50.000.000đồng/01 ô đất là theo sự đồng thuận của người dân tại khu vực thực hiện dự án (bao gồm cả khu vực thực hiện dự án xây dựng sân vận động).

Theo quy định của pháp luật thì việc thu hồi đất của ông HVS nhưng lại cấp đất cho bà HTS1 là chưa đủ cơ sở. Tuy nhiên, tại thời điểm thu hồi và cấp đất tái định cư thì bà S đang ở trên diện tích đất của ông S (trông nhà cho ông S, với tư cách là con nuôi).

Việc tại sao đến năm 2004, UBND huyện BQ mới thu hồi đất của ông S, nhưng năm 2003 UBND huyện BQ đã cấp đất cho bà S, xét về cơ sở pháp lý là chưa đầy đủ; tuy nhiên trên thực tế thì khu vực đất của ông S được cấp nằm trong khu vực quy hoạch Sân vận động nên mới có việc cấp đất tái định cư cho bà S để chuẩn bị thực hiện dự án.

*Người làm chứng ông MDT trình bày:* Việc gia đình ông S bị thu hồi đất ông có biết vì thời điểm đó ông là Phó Trưởng phòng địa chính huyện BQ. Khi đó là quy hoạch xây dựng Sân vận động huyện BQ thời điểm phê duyệt quy hoạch là vào năm 1998, còn thời điểm quy hoạch chi tiết là vào năm 2000. Việc không có tên ông S trong danh sách các hộ gia đình bị thu hồi đất để xây dựng Sân vận động là do khi đó ông S không còn công tác ở huyện BQ nữa và chuyển lên tỉnh công tác, nên không đưa hộ ông S vào diện thu hồi đất (khi đó thì bà S đang ở trên diện tích đất ông S được cấp).

Việc thu hồi đất cho ông S nhưng lại cấp đất tái định cư mang tên bà S, là vì khi đó ông S đã điện thoại trực tiếp cho ông làm thủ tục cấp đất mang tên HTS1 thay cho ông S. Tuy nhiên, ông xác nhận là việc UBND huyện BQ chưa thu hồi đất của ông S, nhưng lại cấp đất tái định cư cho bà S là không đúng đối tượng.

Theo ông thì số tiền 50.000.000đồng mà ông S nộp vào năm 2007 là do ông S nộp cho việc cấp đất tái định cư cho bà S (thuộc trường hợp cấp đất có thu tiền sử dụng đất). Như vậy, việc thu số tiền 50.000.000đồng của ông S là sai, bởi vì chủ trương là thu hồi đất và cấp đất tái định cư là không được thu hồi tiền sử dụng đất. Ngoài ra, ông còn cho biết khi thu hồi đất để xây dựng Sân vận động huyện BQ thì đã kê khai và thu hồi đất thiếu 03 hộ, trong đó có hộ ông S. Sau đó, khi cấp đất tái định cư mới bổ sung việc cấp đất tái định cư cho ông HVS.

*Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 21/9/2022, ngày 16/12/2022 các bên đương sự đã thống nhất và không thống nhất được các nội dung sau:*

Các nội dung thống nhất:

1. Đối với kết quả định giá tài sản: các bên hoàn toàn nhất trí với kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện BQ ngày 18/8/2022, xác định giá tài sản là giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm tháng 8 năm 2022 đối với diện tích đất là 110m<sup>2</sup> (chiều rộng là 05m, chiều dài là 22m) thuộc khu tái định cư tổ 4, thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang có giá trị là 2.100.000.000đồng.

2. Các bên đương sự xác nhận theo danh sách kèm theo Quyết định số 1475/2000/QĐ-UB ngày 30/6/2000 về việc thu hồi đất và giao đất cho UBND huyện BQ xây dựng sân vận động huyện BQ, tỉnh Hà Giang và Quyết định số 2915/2000/QĐ-UB ngày 28/10/2000 về việc phê duyệt dự toán kinh phí đền bù, GPMB dự án xây dựng sân vận động huyện BQ của UBND tỉnh Hà Giang thì không có nội dung nào thể hiện có thu hồi đất của ông HVS.

3. Các bên xác nhận theo Quyết định số 2480/QĐ-UB ngày 21/10/2004 về việc thu hồi đất ở và đất vườn để xây dựng khu dân cư mới, địa điểm tổ 3, khu phố 3, thị trấn VQ, huyện BQ thì ông HVS bị thu hồi diện tích đất là 191m<sup>2</sup> đất thổ cư (thửa số 76).

4. Các bên xác nhận là sau khi có quyết định thu hồi đất, ông S đã nhận đủ tiền đền bù, bồi thường đối với diện tích đất và tài sản trên đất bị thu hồi số tiền là 81.917.200đồng (*trong đó diện tích đất thu hồi là 191m<sup>2</sup> x 360.000đồng = 68.760.000đồng; cây cối, hoa màu và tài sản là 13.157.200đồng*), thể hiện bằng phiếu chi số 398 ngày 19/11/2007 do HĐDB huyện chi trả, ghi người nhận tiền là bà HTS1, nhưng chữ ký người nhận tiền là của ông HVS. Đồng thời, các bên xác nhận vào ngày 19/11/2007 ông HVS đã nộp số tiền là 89.600.000đồng thể hiện tại phiếu thu số 137, ghi người nộp tiền là bà HTS1, nhưng người ký nộp tiền là ông HVS, nội dung thu là: tiền TĐC = 50.000.000đồng; ô theo QH ô 86 = 39.600.000đồng, CT: quy hoạch dự án số 3 (đã được diễn giải tại tiểu mục 2.2 Mục 2).

Đồng thời, các bên xác nhận số tiền ông S đã nộp là 89.600.000đồng, thể hiện tại phiếu thu số 137 vào ngày 19/11/2007 được chuyển vào ngân sách Nhà nước do UBND huyện BQ là đại diện.

5. Các bên xác nhận sau khi thu hồi đất UBND huyện BQ đã cấp đất tái định cư tại chỗ 01 ô đất số 86 có diện tích 110m<sup>2</sup> (có giá trị 39.600.000đồng) theo Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 của UBND huyện BQ, GCNQSDĐ số AK 419244 ngày 23/7/2008 mang tên HTS1 (*chứ không phải là HVS*), địa chỉ tại tổ 1, tổ dân phố QV, thị trấn VQ, huyện BQ. Tuy nhiên, năm 2015 bà S đã chuyển nhượng lại diện tích đất này cho anh HVT là con trai của ông S. Về phía ông S nhất trí và xác nhận UBND huyện BQ đã cấp đất tái định cư cho ông 01 ô đất có diện tích 110m<sup>2</sup> (có giá trị 39.600.000đồng).

Như vậy, các bên đã thống nhất xác nhận UBND huyện BQ đã cấp đất tái định cư cho ông HVS 01 ô đất là ô số 86 có diện tích 110m<sup>2</sup> (có giá trị 39.600.000đồng).

6. Các bên xác nhận không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông HVS có ủy quyền cho bà HTS1 thực hiện các công việc có liên quan đến việc thu hồi, bồi thường, tái định cư đối với diện tích đất bị thu hồi của ông S; không có ủy quyền cho bà S đứng tên trong quyết định cấp đất tái định cư, đứng tên trong GCNQSDĐ.

7. Các bên xác nhận theo phương án số 01/PA-UBND ngày 15/10/2007 của UBND huyện BQ thì tại thời điểm năm 2007 giá trị 01 ô đất có diện tích là  $110\text{m}^2$  (chiều rộng là 05m, chiều dài bình quân là 22m) thuộc khu tái định cư Tổ 4, thị trấn VQ, huyện BQ có giá trị là 50.000.000đồng.

8. Các bên xác nhận bà HTS1 được cấp 01 ô đất tái định cư mang tên bà HTS1 diện tích là  $125\text{m}^2$  tại địa chỉ thôn TT, thị trấn VQ, huyện BQ (*khu gần Trường Tiểu học NC hiện nay*), GCNQSDĐ số W 796295 ngày 25/7/2003 theo Quyết định số 1651/QĐ-UB ngày 22/7/2003 của UBND huyện BQ.

9. Các bên xác nhận Quyết định giao đất số 234/QĐ-UB ngày 22/01/1993 của UBND huyện BQ (diện tích là  $10\text{m} \times 30\text{m} = 300\text{m}^2$ ) là giao đất cho cá nhân ông HVS.

10. Các bên xác nhận việc UBND huyện BQ thu hồi đất của cá nhân ông HVS nhưng lại cấp đất tái định cư cho bà HTS1 là sai chủ thể, không đúng đối tượng.

Các nội dung không thống nhất:

1. Đối với nội dung, yêu cầu khởi kiện

- Nguyên đơn ông HVS giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đó là:

Yêu cầu UBND huyện BQ có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông số tiền là giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 2022 đối với ô đất đáng lẽ ông được cấp từ năm 2007 (có giá trị tại thời điểm năm 2007 là 50.000.000đồng), cụ thể: chiều rộng 05m, chiều dài 22m, diện tích là  $110\text{m}^2$  có địa chỉ tại khu tái định cư Tổ 3, thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang.

Trong trường hợp UBND huyện BQ không trả lại cho ông số tiền là giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 2022 như đã nêu trên, thì ông yêu cầu UBND huyện BQ cấp cho ông 01 ô đất có chiều rộng 05m, chiều dài 22m, diện tích  $110\text{m}^2$  có địa chỉ tại khu tái định cư tổ 3, thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn UBND huyện BQ không nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan HĐDB, GPMB huyện BQ: nhất trí với ý kiến, quan điểm của bị đơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà HTS1: nhất trí với ý kiến, quan điểm của nguyên đơn.

2. Đối với việc UBND huyện BQ cấp đất cho bà HTS1

- Nguyên đơn cho rằng không biết việc UBND huyện BQ cấp đất cho bà HTS1, việc cấp đất cho bà S không liên quan đến việc thu hồi và cấp đất tái định cư cho ông HVS.

- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan HĐĐB, GPMB huyện BQ cho rằng: Năm 2003 đã cấp 01 ô đất tái định cư cho bà HTS1 (là cháu gái của ông S) diện tích là 125m<sup>2</sup> tại địa chỉ thôn TT, thị trấn VQ, huyện BQ (khu gần Trường Tiểu học NC hiện nay), GCNQSDĐ số W796295 ngày 25/7/2003 theo Quyết định số 1651/QĐ-UB ngày 22/7/2003 của UBND huyện BQ, nguồn gốc cấp đất là cấp đất tái định cư để thực hiện dự án Sân vận động huyện BQ.

- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan HĐĐB, GPMB huyện BQ khẳng định việc cấp đất cho bà HTS1 là có liên quan đến việc thu hồi đất của ông HVS. Lý do: diện tích đất mà ông HVS được cấp theo Quyết định giao đất số 234/QĐ-UB ngày 22/01/1993 của UBND huyện BQ nằm trong diện thu hồi để thực hiện dự án Sân vận động huyện BQ; do diện tích không đủ nên đã chuyển sang thực hiện dự án chỉnh trang đô thị nên 02 dự án có liên quan đến nhau. Do đó, UBND huyện BQ mới cấp đất tái định cư cho bà HTS1 để thực hiện dự án như đã nêu trên.

Đồng thời, bà HTS1 phải nộp tiền tái định cư là 50.000.000đồng theo Quyết định số 2858/2007/QĐ-UBND ngày 14/11/2007 về việc thu tiền tái định cư. Đây chính là số tiền 50.000.000đồng nằm trong tổng số tiền mà ông HVS đã nộp là 89.600.000đồng, được thể hiện tại phiếu thu số 137 ngày 19/11/2007.

### 3. Đối với phiếu thu số 137, phiếu chi số 398 ngày 19/11/2007

- Bị đơn UBND huyện BQ cho rằng ông HVS biết và tự nguyện nộp số tiền 50.000.000đồng tiền cấp đất tái định cư cho bà HTS1 diện tích là 125m<sup>2</sup> tại địa chỉ thôn TT, thị trấn VQ, huyện BQ (khu NC gần Trường Tiểu học NC hiện nay). Bởi vì, phiếu thu số 137, phiếu chi số 398 ngày 19/11/2007 ghi tên người nhận, người nộp tiền là HTS1 (Sún).

- Nguyên đơn ông HVS không nhất trí với ý kiến của bị đơn và cho rằng khi ký vào các phiếu thu số 137, phiếu chi số 398 ngày 19/11/2007, do không để ý nên chỉ ký và ghi tên vào phần người nộp, nhận tiền mà không chú ý đến phần ghi tên cụ thể trong phần đầu của phiếu thu, phiếu chi.

Ông HVS khẳng định không hề nộp thay tiền cho bà HTS1 để bà S được cấp đất như lời trình bày của bị đơn. Hơn nữa bà S được cấp đất từ năm 2003, nhưng đến năm 2004 gia đình ông S mới bị thu hồi đất. Không thể có việc cấp đất trước khi thu hồi và cũng không thể có chuyện chưa nộp tiền mà đã được cấp đất.

### 4. Đối với Quyết định số 2858/2007/QĐ-UBND ngày 14/11/2007 về việc thu tiền tái định cư:

- Ông S khẳng định là không biết và không nhận được Quyết định số 2858/2007/QĐ-UBND ngày 14/11/2007 về việc thu tiền tái định cư và các tài liệu kèm theo.

- Bị đơn cho rằng ông S biết về quyết định nói trên. Tuy nhiên, phía UBND huyện BQ xác nhận là không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là

ông S đã nhận được Quyết định số 2858/2007/QĐ-UBND ngày 14/11/2007 về việc thu tiền tái định cư và các tài liệu kèm theo.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 166, Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự; Điều 38, Điều 105 Luật Đất đai năm 2003; Điều 26, Điều 37, Điều 147, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông HVS về việc kiện đòi tài sản đối với UBND huyện BQ, tỉnh Hà Giang.

Xử buộc UBND huyện BQ, tỉnh Hà Giang phải hoàn trả số tiền là 2.100.000.000 đồng cho ông HVS, thời hạn trả kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí định giá tài sản, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/3/2023, bị đơn UBND huyện BQ có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, không đồng ý trả ông S 2,1 tỷ đồng; ngày 26/7/2023, UBND huyện BQ có văn bản thay đổi kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý trả ông S 2,1 tỷ đồng và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan HĐĐB, GPMB huyện BQ nhất trí với đề nghị của đại diện bị đơn UBND huyện BQ tại phiên tòa phúc thẩm.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 24/3/2023, bị đơn UBND huyện BQ có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang với nội dung không đồng ý trả ông S 2,1 tỷ đồng, đơn kháng cáo gửi trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm; ngày 26/7/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên và đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Xét thấy việc thay đổi, bổ sung kháng cáo của bị đơn không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên được chấp nhận để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà S, anh T, chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản, ý kiến xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo bản án sơ thẩm nhận định, nguyên đơn ông HVS khởi kiện đòi lại tài sản đối với bị đơn UBND huyện BQ nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang thụ lý, giải quyết là vụ án dân sự. Tuy nhiên, nội dung khởi kiện của ông S có liên quan trực tiếp đến việc UBND huyện BQ ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và cấp đất tái định cư cho ông HVS. Trong vụ án này, ông S khởi kiện yêu cầu buộc UBND huyện BQ phải cấp trả ông 01 ô đất tái định cư có chiều rộng 05m, chiều dài 22m, diện tích 110m<sup>2</sup> có địa chỉ tại khu tái định cư Tổ 3, thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang. Yêu cầu của ông S xuất phát từ Quyết định hành chính số 2480/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND huyện BQ về việc thu hồi đất ở và đất vườn để xây dựng khu dân cư mới và Quyết định hành chính số 2858/2007/QĐ-UBND ngày 14/11/2007 của UBND huyện BQ về việc thu, nộp tiền cấp đất tái định cư lần 01 đối với các hộ dân trong khu quy hoạch dân cư Tổ dân phố số 3, thị trấn VQ vào ngân sách Nhà nước nên yêu cầu khởi kiện của ông S phải được xác định là vụ án hành chính mới đúng.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn UBND huyện BQ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1] Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của ông HVS về việc đề nghị buộc UBND huyện BQ phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông số tiền là giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 2022 đối với ô đất mà đáng lẽ ông S được cấp từ năm 2007 (có giá trị năm 2007 là 50.000.000 đồng), cụ thể: chiều rộng 05m, chiều dài 22m, diện tích là 110m<sup>2</sup> tại địa chỉ Khu tái định cư, Tổ 3, thị trấn VQ, huyện BQ, thấy rằng:

Năm 1993, ông HVS được UBND huyện BQ cấp 01 mảnh đất làm nhà ở tại tổ 3 khu phố 3 (hiện nay là tổ 4), thị trấn VQ, huyện BQ theo quyết định số 234/QĐ-UB ngày 22/01/1993, có diện tích là 10m x 30m = 300m<sup>2</sup> (*Quyết định không thể hiện hình thửa của thửa đất được cấp, không giao rõ ranh giới trên thực địa*). Sau khi được UBND huyện BQ cấp đất, ông S đã dựng ngôi nhà gỗ ba gian lợp ngói để ở.

Năm 2000, thực hiện Quyết định số 1475/QĐ-UB ngày 30/6/2000 của UBND tỉnh Hà Giang về việc thu hồi đất và giao cho UBND huyện BQ xây dựng Sân vận động huyện BQ, tỉnh Hà Giang (*trong Quyết định có thực hiện thu hồi đất đối với 07 hộ gia đình, trong đó không có hộ ông HVS*). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện do không đủ diện tích nên huyện BQ có chủ trương xây dựng khu dân cư mới nên đã thực hiện rà soát, thu hồi bổ sung thêm một số hộ gia đình tại khu vực liền kề thuộc Tổ 3, Khu phố số 3 (nay là Tổ 4), thị trấn VQ. Quá trình rà soát đã thực hiện thu hồi đất bổ sung đối với 26 hộ gia đình (*trong đó có hộ ông HVS - Thời điểm này ông HVS đang cho cháu gái là bà HTS1 mượn và ở nhờ nhưng không làm văn bản ủy quyền cho bà S*), đồng thời để đảm bảo ổn định dân cư, giải quyết chỗ ở cho người bị thu hồi đất nên UBND huyện BQ đã quy hoạch, cấp 21 ô đất tái định cư cho các hộ bị thu hồi đất sang vị trí mới tại khu đất phía sau Trường Tiểu học NC (hiện nay thuộc Tổ 3), thị trấn VQ. Thời điểm rà soát thu hồi và cấp đất tái định cư được thực hiện đồng thời với việc hoàn thiện hồ sơ thu hồi đất để kịp thời thực hiện dự án và ổn định nơi ở mới cho người dân, vì vậy việc cấp đất tái định cư được thực hiện trước thời điểm có quyết định thu hồi đất bổ sung. Trong thời điểm đó bà HTS1 (*là đại diện hộ đang sử dụng đất của ông S*) được cấp 01 ô đất tái định cư tại vị trí quy hoạch ô số **11**, diện tích 125m<sup>2</sup>. Nội dung này được thể hiện trong các tài liệu gồm: **Biên bản giao đất thổ cư ngày 01/7/2002** giữa các ngành chức năng và bà HTS1 (*có chữ ký xác nhận của bà S*); **Đơn đăng ký cấp Quyền sử dụng đất ngày 11/6/2003 của hộ bà HTS1** có ghi “*Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được huyện cấp đền bù di chuyển làm sân vận động*” (*có chữ ký xác nhận của bà S*); **Quyết định số 1651/QĐ-UB ngày 22/7/2003 của UBND huyện BQ** về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình bà HTS1, có ghi: “*Nguồn gốc sử dụng đất: Huyện xét cấp năm 2002 theo quy hoạch (ô đất số 11) thuộc hộ di chuyển xây dựng sân vận động trung tâm huyện*”; **Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 14/11/2007 của UBND huyện BQ** về việc thu, nộp tiền cấp đất tái định cư lần 01, đối với các hộ trong khu quy hoạch dân cư Tổ dân phố số 3, thị trấn VQ vào ngân sách Nhà nước có ghi phần diện tích đất ông HVS được cấp tái định cư theo Quyết định số 1651/QĐ-UB ngày 22/7/2003.

Năm 2004, UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất, tài sản trên đất đối với các hộ để xây dựng khu dân cư mới theo Quyết định số 2480/QĐ-UB ngày 21/10/2004. Trong quyết định này, hộ gia đình ông HVS có đất bị thu hồi là thửa số 76, với tổng diện tích bị thu hồi là 191m<sup>2</sup>; tổng giá trị bồi thường cho gia đình ông HVS là 81.917.200đồng (trong đó giá trị đất 68.760.000đồng, tài sản trên đất 19.705.000đồng) được xác định trong Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 17/10/2007 của UBND huyện BQ.

Quá trình giải quyết công tác bồi thường và thực hiện tái định cư cho các hộ dân khi bị thu hồi đất để thực hiện quy hoạch khu dân cư mới, UBND huyện đã tổ chức họp lấy ý kiến người dân và thống nhất phương án đền bù dự án quy hoạch khu dân cư tại Khu phố số 3, Tổ 3, thị trấn VQ thể hiện tại **Thông báo số 33/TB-UB ngày 16/3/2005** của UBND huyện BQ, trong đó hộ ông HVS chỉ được bồi thường 01 ô đất tái định cư (*là ô số 11 đã cấp năm 2003 mang tên bà*

HTS1 - là cháu gái ông S, người đại diện sử dụng đất thời điểm đó); đồng thời giá trị đất tái định cư được tính để xác định giá trị bồi thường là 50.000.000đồng/01 ô đất (có diện tích từ 80 đến 125m<sup>2</sup>), trường hợp các hộ có nguyện vọng được tái định cư tại chỗ (tại vị trí quy hoạch khu dân cư, không chuyển sang vị trí tái định cư tại khu vực Trường Tiểu học NC) thì phải hoàn trả lại ô đất tái định cư đã được cấp năm 2002, 2003 hoặc hoàn trả số tiền tái định cư là 50.000.000đồng.

Đến tháng 11/2007, ông HVS có đơn đề nghị gửi UBND huyện và HĐDB, GPMB huyện BQ về nguyện vọng được tái định cư tại chỗ, UBND huyện và HĐDB, GPMB huyện BQ đã bố trí cấp bổ sung ô đất số 86, thuộc dãy số V trong khu quy hoạch dân cư mới với diện tích 110m<sup>2</sup> với giá trị được tính là 39.600.000đồng. HĐDB, GPMB huyện BQ đã có **Công văn số 112/CV-HĐDB ngày 24/11/2007** trả lời đơn đề nghị của ông HVS. Cùng thời điểm này, ông HVS đã đến HĐDB, GPMB huyện để nhận tiền đền bù và nộp tiền tái định cư đối phần diện tích được cấp, trong đó:

Tổng số tiền được đền bù khi bị thu hồi đất là: 81.917.200đồng.

Tổng số tiền hộ gia đình đã nộp là: 89.600.000đồng, trong đó: Tiền Tái định cư là 50.000.000đồng (ô đất số 11 khu tái định cư sau Trường Tiểu học NC) và tiền ô đất theo quy hoạch ô số 86 là 39.600.000đồng.

Tổng số tiền chênh lệch ông HVS phải nộp thêm ngoài tiền đền bù về đất là 7.682.800đồng.

Nội dung trên được thể hiện tại phiếu chi số 398 ngày 19/11/2007 và phiếu thu số 137 ngày 19/11/2007 của HĐDB, GPMB huyện. Phiếu thu và phiếu chi ghi tên người thực hiện là HTS1, người ký là ông HVS.

Ngày 23/01/2008, UBND huyện BQ đã ban hành Quyết định số 384/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình mang tên bà HTS1 đối với ô đất số 86 theo quy hoạch; GCNQSDĐ được cấp mang số hiệu AK 419244. Như vậy tính đến ngày 23/01/2008, UBND huyện BQ đã hoàn thành việc giải quyết nội dung liên quan đến việc bồi thường khi thu hồi đất đối với hộ gia đình ông HVS để thực hiện dự án quy hoạch khu dân cư mới tại Tổ 3, Khu phố số 3, thị trấn VQ. Sau khi giải quyết các nội dung trên, ông HVS không có đơn đề nghị gì thêm đối với nội dung giải quyết của UBND huyện BQ, tỉnh Hà Giang.

Đến ngày 08/7/2015, bà HTS1 đã làm thủ tục chuyển nhượng ô đất số 86 được cấp trong khu quy hoạch dân cư mới nêu trên cho con trai, con dâu ông HVS là anh HVT và chị VTKH (Hợp đồng số 324/02/2015-HĐCNQSDĐ). Ngày 16/7/2015, anh HVT và vợ là chị VTKH được UBND huyện BQ cấp GCNQSDĐ số BT 950576 theo hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét đến các nội dung: Bà HTS1 không có đất bị thu hồi tại khu vực quy hoạch thu hồi đất làm Sân vận động huyện BQ cũng như không có đất bị thu hồi để thực hiện dự án quy hoạch khu dân cư mới tại khu vực Tổ 3, khu phố số 3, thị trấn VQ. Mặt khác trong nhiều tài liệu liên quan đến việc thu hồi đất của ông HVS đều thể

hiện bà HTS1 là người có liên quan (*người đang sử dụng đất thực tế đối với vị trí đất mang tên ông HVS*); đồng thời bà HTS1 hoàn toàn biết rõ phần diện tích đất Nhà nước thu hồi mà cá nhân bà sử dụng là đất do bà ở nhờ (mượn) của ông HVS. Quá trình bàn giao đất tại thực địa đối với ô đất số 11 nêu trên có ghi rõ đối tượng là: “giao đất đền bù” có chữ ký xác nhận của cá nhân bà HTS1; Đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ của cá nhân bà S cũng ghi rõ nguồn gốc sử dụng đất là: “đất được huyện đền bù, di chuyển làm Sân vận động” do vậy bà HTS1 hoàn toàn có thể nhận thức được phần diện tích đất được giao tại ô đất tái định cư số 11 là liên quan đến phần diện tích đất thu hồi của ông HVS. Như vậy, UBND huyện BQ đã thực hiện xong việc hỗ trợ tái định cư cho hộ ông HVS.

Việc bà HTS1 cho rằng cá nhân bà là Giáo viên có quá trình công tác và cống hiến tại huyện BQ nên được xem xét cấp đất vào năm 2003, bà đã làm đầy đủ thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, nộp phí địa chính. Tuy nhiên, bà S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh; bên cạnh đó theo danh sách các hộ là cán bộ, công chức, viên chức được cấp đất giai đoạn 1998 - 2002 trên địa bàn huyện BQ do UBND huyện cung cấp thì không có tên bà HTS1. Do đó, nội dung trình bày của bà S là không có căn cứ.

Như vậy, kể từ khi UBND huyện BQ, tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông S mang tên bà HTS1 đối với ô đất số 86 theo quy hoạch; ông S không có đơn đề nghị gì thêm đối với nội dung giải quyết của UBND huyện BQ. Tuy nhiên đến năm 2017, ông S lại khiếu nại và đã được UBND huyện BQ trả lời không chấp nhận yêu cầu của ông S. Vì vậy, với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông S, Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định đây là vụ án hành chính để xem xét điều kiện thụ lý theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính mới đúng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định nội dung yêu cầu khởi kiện của ông S là vụ án kiện đòi tài sản là sai quan hệ pháp luật phải giải quyết, sai tư cách người tham gia tố tụng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vì giữa UBND huyện BQ và ông S không có quan hệ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do việc xác định sai quan hệ pháp luật nên việc giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là không chính xác.

[2.2] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của UBND huyện BQ, tuyên hủy Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[2.3] Về tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá tài sản: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[2.4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị đơn UBND huyện BQ, tỉnh Hà Giang. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá tài sản: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn UBND huyện BQ không phải chịu. Hoàn trả lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho UBND huyện BQ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000110 ngày 30/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Minh**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Cường**

**Lê Thị Thúy Bình**

**Trần Quang Minh**



